

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-ST

Ngày: 07 - 9- 2023

V/v: “*Tranh chấp về thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thy Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Đức.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phú Huy- Thư ký Tòa án của TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Vân Anh**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST- DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 về Tranh chấp về thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2023/QĐST-HPT ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ trụ sở chính: Số 266 - 268 đường N, phường V, quận 3, Tp Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám Đốc. Người đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Thành N**, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ liên lạc: Số 130A – 130 – 132 đường B, phường H, quận H1, thành phố Đà Nẵng theo Giấy ủy quyền số: 3270/2022/QĐ – PL ngày 26/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S, Giấy ủy quyền ngày 30/3/2023 và Giấy ủy quyền ngày ngày 16/8/2023 của Giám đốc chi nhánh ngân hàng thương mại cổ phần S tại thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Ngọc Q** – Sinh năm: 1993. Nơi cư trú: K08/44 đường B, Tổ 09 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 14/01/2020, ông Nguyễn Ngọc Q có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng), gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân. Căn cứ vào thu nhập của ông Nguyễn Ngọc Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, với lãi suất 2,5% tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Ngọc Q đã thực hiện 4 giao dịch với tổng số tiền 80.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn Ngọc Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 66.775.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Ngọc Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Ngọc Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/01/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 07/9/2023, ông Nguyễn Ngọc Q còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc 34.253.376 đồng, nợ lãi trong hạn 7.926.162 đồng, nợ lãi quá hạn 15.852.324 đồng. Tổng cộng 58.031.862 đồng (Năm mươi tám triệu không trăm ba mươi một nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Q thanh toán, tuy nhiên ông Nguyễn Ngọc Q vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc Q phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 07/9/2023 là 50.105.700 đồng. Trong đó nợ gốc 34.253.376 đồng, nợ lãi quá hạn 15.852.324 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân ngày 14/01/2020. Đối với khoản nợ lãi trong hạn 7.926.162 đồng Ngân hàng miễn giảm không yêu cầu trả.

* Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông Nguyễn Ngọc Q trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP-TATC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q.

Đề nghị HĐXX buộc ông Nguyễn Ngọc Q phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc 34.253.376đồng, nợ lãi quá hạn 15.852.324đồng. Tổng cộng 50.105.700đồng tính đến ngày 07/9/2023. Đối với khoản nợ lãi trong hạn 7.926.162 đồng Ngân hàng miễn giảm không yêu cầu trả. Ông Q tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 08/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân ngày 14/01/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Bị đơn đang cư trú tại K08/44 đường B, Tổ 09 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 07/9/2023 là 50.105.700đồng. Trong đó nợ gốc 34.253.376đồng, nợ lãi quá hạn 15.852.324đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/9/2023 cho đến

khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân ngày 14/01/2020. Đối với khoản nợ lãi trong hạn 7.926.162 đồng Ngân hàng miễn giảm không yêu cầu trả. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án.

[4] Hợp đồng tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 14/01/2020 được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn, có nội dung nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bị đơn với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng dưới hình thức hạn mức tín dụng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,5%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo thỏa thuận, bị đơn có trách nhiệm thanh toán nợ theo thông báo giao dịch hàng tháng mà nguyên đơn gửi cho ông theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã thực hiện giao dịch nhiều lần với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền 66.775.000 đồng (theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù nguyên đơn đã thực hiện thông báo giao dịch hàng tháng và nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 22/01/2022 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử ngày 07/9/2023, bị đơn còn nợ các khoản sau: nợ gốc 34.253.376 đồng, nợ lãi quá hạn 15.852.324 đồng. Tổng cộng 50.105.700 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của nguyên đơn, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ, điều này thể hiện bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã ký kết trong hợp đồng. Việc khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp pháp luật nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 08.9.2023 trên số dư nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 14/01/2020 cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền là bị đơn phải chịu là $(50.105.700\text{đồng} \times 5\%) = 2.505.285\text{ đồng}$.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 1.269.000 đồng theo biên lai thu số 03786 ngày 31/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Ngọc Q phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 50.105.700đồng (Năm mươi triệu một trăm lẻ năm nghìn bảy trăm đồng), trong đó nợ gốc 34.253.376đồng, nợ lãi quá hạn 15.852.324đồng.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 08/9/2023 trên số dư nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 14/01/2020 cho đến khi ông Nguyễn Ngọc Q thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 2.505.285 đồng bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.269.000 đồng theo biên lai thu số 03786 ngày 31/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thy Tuyết

